

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**

Bản án số: 04/2025/HS-ST
Ngày 06-8-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lành Thị Vệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Cường;

Ông Sầm Trí Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Choi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Huyền - Kiểm sát viên.

Ông Nông Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2025, đối với bị cáo:

Lường Văn N, sinh ngày 07 tháng 12 năm 1988, tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã G, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn T, xã X, tỉnh Lạng Sơn); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn S, sinh năm 1956 và bà Nông Thị T, sinh năm 1956; có vợ là Nông Thị Đ, sinh năm 1992 và 02 con: tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2025 đến nay, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nông Thị Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn T, xã X, tỉnh Lạng Sơn), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 19/3/2025, Lường Văn N nhận điện thoại từ số thuê bao 0927148258 của Nông Văn C đặt vấn đề thuê Lường Văn N đi đón người

Trung Quốc từ khu vực thôn A, xã G, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn A, xã X, tỉnh Lạng Sơn) đến khu vực dốc B thuộc thôn P, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là Thôn P, xã X, tỉnh Lạng Sơn) để nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, tiền công là 1.500.000 đồng, khi nào chở người đến địa điểm theo yêu cầu sẽ có người trả tiền, Lương Văn N đồng ý. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Lương Văn N gọi điện thoại cho Nông Văn C hỏi cụ thể số lượng người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, Nông Văn C không nói cụ thể mà chỉ bảo xe của Lương Văn N sẽ chở 02 người và Nông Văn C bảo Lương Văn N chờ điện thoại khi nào người đến Nông Văn C sẽ gọi và báo vị trí cụ thể.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Nông Văn C gọi điện thoại bảo Lương Văn N đi đến cột đèn gần ngã ba thuộc thôn A, xã X, tỉnh Lạng Sơn thì dừng lại chờ sẽ có người đi ra. Sau đó, Lương Văn N một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX biển kiểm soát 12Z1-044.49 đi đến điểm hẹn, khi đến nơi Lương Văn N dừng xe lại thì nhìn thấy 02 người Trung Quốc là Cao Hải L và Bao Lượng L đi từ trên đồi về phía xe của Lương Văn N. Lúc này, Lương Văn N biết đây là 02 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép cần đón nên đã ra hiệu bằng tay cho Cao Hải L và Bao Lượng L lên xe rồi điều khiển xe đi về hướng khu vực dốc B, thuộc thôn P, xã X, tỉnh Lạng Sơn. Khi đang đi trên đường tỉnh lộ 237 thuộc địa phận thôn T, xã X, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng chức năng phát hiện, Lương Văn N quay đầu xe bỏ chạy. Lúc này, Lương Văn N nhìn thấy một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ đang điều khiển xe mô tô không rõ biển kiểm soát chở 02 người là Nguyễn Nha N và Trịnh V đi phía sau, khi phát hiện có lực lượng chức năng, người đàn ông đã thả Nguyễn Nha N và Trịnh V xuống xe rồi quay xe bỏ chạy về hướng thôn A, xã X, tỉnh Lạng Sơn, Nguyễn Nha N và Trịnh V sau khi được thả xuống đường cũng bỏ chạy. Sau đó, Lương Văn N cùng 04 người Trung Quốc trên bị bắt và đưa về trụ sở Ủy ban nhân dân xã G (nay là Ủy ban nhân dân xã X) lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại bản Cáo trạng số 67/CT-VKSLS-P2 ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Lương Văn N về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Lương Văn N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12Z1-044.49 bị cáo sử dụng để chở những người Trung Quốc bị cáo cho rằng là xe do vợ chồng bị cáo mua bằng tiền tích góp của hai vợ chồng. Việc xử lý chiếc xe bị cáo không có ý kiến gì mà do Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nông Thị Đ trình bày tại phiên tòa: Chị là vợ của bị cáo Lương Văn N. Năm 2022 chị có mua một chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, biển kiểm soát 12Z1-044.49 tại một cửa hàng xe máy ở thị trấn L, tỉnh Lạng Sơn và xuất trình tại phiên tòa 01 giấy mua bán xe giữa người mua là Nông Thị Đ với người bán là Đỗ Văn Mạnh, nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Số tiền mua xe là tiền của chị tích góp được. Chị không biết việc bị cáo sử dụng xe để vận chuyển người khác nhập cảnh trái phép. Nay chị Nông Thị Đ yêu cầu Hội

đồng xét xử xem xét trả lại cho chủ chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 12Z1-044.49 để phục vụ nhu cầu đi lại của gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Lạng Sơn được phân công thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Văn N phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Lương Văn N từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị: Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX F1, biển kiểm soát 12Z1-044.49; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 002813, tên chủ xe Dương Phúc Hình, do Công an huyện Đình Lập (cũ) cấp ngày 04/4/2017; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16 màu xanh trắng đen. Trả cho bị cáo Lương Văn N: 01 Căn cước công dân số 020088005430 mang tên Lương Văn N. Về án phí, bị cáo thuộc trường hợp hộ nghèo nên đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của Lương Văn N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ xác định: Ngày 19/3/2025, Lương Văn N đã có hành vi sử dụng xe mô tô chở 02 người Trung Quốc là Cao Hải L và Bao Lượng L từ khu vực thôn A, xã X, tỉnh Lạng Sơn đến khu vực dốc B, thuộc thôn P, xã X, tỉnh Lạng Sơn để được hưởng tiền công là 1.500.000 đồng. Khi Lương Văn N đang điều khiển xe chở 02 người Trung Quốc di chuyển trên đường tỉnh lộ 237 thuộc địa phận thôn T, xã X, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang. Với hành vi đưa đón 02 người nhập cảnh trái phép để vụ lợi của bị cáo Lương Văn N đã phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình

sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Lương Văn N là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động quản lý hành chính trong lĩnh vực nhập cảnh của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc đưa người khác nhập cảnh trái phép vào nước Việt Nam mà không có giấy phép của Cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, hành vi của bị cáo cần được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lương Văn N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc diện hộ nghèo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nên xác định là người có nhân thân tốt.

[7] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, xét thấy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, tuy nhiên, cũng cần xem xét đến tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội nhưng vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục và đấu tranh phòng chống tội phạm, phục vụ tình hình chính trị tại địa phương.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự có quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng...*”. Tuy nhiên, bị cáo thuộc diện hộ nghèo, không có thu nhập ổn định, không có tài sản để đảm bảo thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

[9.1] Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX F1, biển kiểm soát 12Z1-044.49 là phương tiện bị cáo sử dụng để đưa đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Tại phiên tòa, bị cáo cho rằng chiếc xe này bị cáo mua bằng tiền tích góp của vợ chồng và chưa thực hiện thủ tục sang tên, đồng thời không có ý kiến gì về việc xử lý chiếc xe. Còn vợ bị cáo là chị Nông Thị Đ cho rằng chiếc xe mô tô là do chị mua bằng tiền của chị và đề nghị được trả lại chiếc xe. Hội đồng xét xử xét thấy, chiếc xe mô tô được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân nên xác định đây là tài sản chung của vợ chồng, là loại tài sản chung hợp nhất, không phân chia theo phần. Bị cáo đã sử dụng chiếc xe mô tô

biển kiểm soát 12Z1-044.49 thuộc sở hữu chung của vợ chồng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu chiếc xe và giấy tờ đăng ký xe để sung Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong trường hợp chị Nông Thị Đ có yêu cầu được bồi thường một phần giá trị chiếc xe thì có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung.

[9.2] Đối với điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16 màu xanh trắng đen bị cáo sử dụng để liên lạc với Nông Văn C bàn bạc về việc tổ chức cho người nhập cảnh trái phép là công cụ, phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

[9.3] Đối với căn cước công dân mang tên Lương Văn N không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[10] Đối với Cao Hải L, Bao Lượng L, Ngụy Nha N và Trịnh V là những người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để tìm việc làm, đi du lịch. Cơ quan An ninh điều tra đã tiến hành bàn giao 04 người Trung Quốc trên cùng các tài liệu liên quan đến Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Lạng Sơn để xử phạt vi phạm hành chính. Ngày 31/3/2025, Cao Hải L, Bao Lượng L, Ngụy Nha N và Trịnh V đã được trao trả cho lực lượng chức năng Trung Quốc theo quy định.

[11] Đối với người đàn ông liên hệ đặt vấn đề thuê bị cáo Lương Văn N đưa đón người nhập cảnh trái phép, bị cáo Lương Văn N khai tên của người đàn ông này là Nông Văn C, sinh năm 1994, trú tại thôn C, xã G, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn C, xã X, tỉnh Lạng Sơn). Cơ quan điều tra đã xác minh theo thông tin bị cáo Lương Văn N cung cấp, xác định có người nhân thân như bị cáo khai nhưng Nông Văn C không có mặt tại địa phương. Bà Hoàng Thị Thường (mẹ đẻ Nông Văn C) cho biết Nông Văn C đi khỏi nhà từ khoảng cuối tháng 3/2025, từ đó đến nay Nông Văn C không liên lạc với gia đình, không biết Nông Văn C đi đâu, làm gì. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét xử lý trong vụ án này. Đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh đối tượng Nông Văn C để làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

[12] Đối với bà Nông Thị H, sinh năm 1971, trú tại Thôn M, xã G, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn M, xã X, tỉnh Lạng Sơn) được xác định là chủ thuê bao số điện thoại 0927148258 mà bị cáo Lương Văn N khai nhận là số điện thoại của Nông Văn C. Tuy nhiên, bà Nông Thị H không sử dụng số điện thoại trên và không cho ai mượn căn cước công dân để đăng ký số điện thoại. Do đó, không có căn cứ để xác định bà Nông Thị H liên quan trong vụ án.

[13] Đối với các đối tượng người Trung Quốc, người Việt Nam đã tổ chức cho Cao Hải L, Bao Lượng L, Ngụy Nha N, Trịnh V nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, cả 04 người trên đều không biết thông tin cụ thể nên Cơ quan Điều tra không có căn cứ để mở rộng điều tra nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Đối với người đàn ông điều khiển xe mô tô chở Ngụy Nha N và Trịnh V từ thôn A, xã X, tỉnh Lạng Sơn để đưa vào sâu trong nội địa. Ngụy Nha N và

Trịnh V không biết thông tin người này nên Cơ Điều tra không có căn cứ để mở rộng điều tra.

[15] Về án phí: Bị cáo Lường Văn N bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, tuy nhiên bị cáo thuộc hộ nghèo và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[16] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Lạng Sơn về tội danh, mức hình phạt và các nội dung khác của vụ án là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, điểm a, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lường Văn N phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lường Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 20/3/2025).

3. Xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu, hóa giá sung Ngân sách Nhà nước

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX FI, biển kiểm soát 12Z1-044.49, màu đen đỏ, số máy JA38E0108891, số khung RLHJA3815GY047102; Biển kiểm soát: 12Z1-044.49; xe cũ đã qua sử dụng; có 01 (một) gương chiếu hậu bên trái bị vỡ.

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 002813, tên chủ xe Dương Phúc Hình, do Công an huyện Đình Lập (cũ) cấp ngày 04/4/2017;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16 màu xanh trắng đen, số IMEI 1: 861609041727815; IMEI 2: 861609041727823, bên trong gắn 01 (một) sim Viettel.

3.2. Trả cho bị cáo Lường Văn N: 01 Căn cước công dân số 020088005430 mang tên Lường Văn N cấp ngày 30/12/2024; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 19/02/2025 giữa Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Lạng Sơn và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh Lạng Sơn).

4. Về án phí: Bị cáo Lường Văn N được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Phân trại tạm giam khu vực Lộc Bình –Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 - Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lành Thị Vệ